

Số: /TTr-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

Dự thảo lần 2

TỜ TRÌNH

V/v nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 29/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Thực hiện Công văn số 122/HĐND-VP ngày 16/8/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thực hiện các nội dung Chương trình tại kỳ

họp lần thứ .. của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 là cụ thể hóa quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản hướng dẫn từ Trung ương. Đồng thời, làm cơ sở để các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích:

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 nhằm triển khai điểm d, khoản 1, Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, xây dựng các chủ trương, chính sách của tỉnh phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện thực tế tại địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Thực hiện đúng các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO, LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Để triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện:

- Tổ chức nghiên cứu các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước có liên quan đến việc thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
- Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết; đăng tải trên Cổng thông tin

điện tử của tỉnh, đồng thời gửi lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến dự thảo. Tiếp thu các ý kiến đóng góp các cơ quan, đơn vị và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và quy trình xây dựng văn bản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

- Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều.
- Đính kèm 03 phụ lục.

2. Nội dung cơ bản

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

- **Nội dung hỗ trợ:** Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thông qua đơn vị chủ trì liên kết. *(Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được quy định cụ thể tại Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Dự án 3 của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Mục 3 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các quy định trên có thay đổi thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính).*

- **Mẫu hồ sơ đề nghị:** Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. *(Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đề nghị đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ).*

- **Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất:** Cụ thể hóa Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ đảm bảo phù hợp với thực tế của địa phương.

- **Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động:** Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. *(Ghi chú: Các nội dung lựa chọn đơn vị đặt hàng đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm*

2019 của Chính phủ. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

- **Nội dung hỗ trợ:** Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua đơn vị chủ trì liên kết; người đại diện do cộng đồng lựa chọn; bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng. (Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được qui định cụ thể tại Điều 21, 22, 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Dự án 2 và tiểu dự án 1 trong Dự án 3 của Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chương II Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính).

- **Mẫu hồ sơ đề nghị:** Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025. (Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đã được qui định cụ thể tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

- **Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất:** Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025. (Ghi chú: Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất đã được qui định cụ thể tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

- **Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động:** Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu

thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. *(Ghi chú: Các nội dung chọn đơn vị đặt hàng đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).*

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

- **Nội dung hỗ trợ:** Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững thông qua đơn vị chủ trì liên kết; người đại diện do cộng đồng lựa chọn; bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng. *(Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được qui định cụ thể tại Điều 21, 22, 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nội dung thành phần số 3 của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Mục 2 Chương II Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Mục 3 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính).*

- **Mẫu hồ sơ đề nghị:** Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. *(Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đề nghị đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).*

- **Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất:** Cụ thể hóa Điều 21, 22, 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ đảm bảo phù hợp với thực tế của địa phương.

- **Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động:** Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. *(Ghi chú: Các nội dung chọn đơn vị đặt hàng đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm*

2019 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, quyết định ./.

(Xin gửi kèm theo:

1. Phụ lục I, II, III;

2. Dự thảo Nghị quyết).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT, TC;
- Lưu: XD, TH, VX, KT, HC.

Trần Văn Lâu

PHỤ LỤC I

Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

b) Đối tượng áp dụng:

Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

(Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được qui định cụ thể tại Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Dự án 3 của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Mục 3 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính).

3. Mẫu hồ sơ đề nghị

Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

(Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đề nghị đã được qui định cụ thể tại Nghị định số

98/2018/NĐ-CP ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất

a) Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có).

b) UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và trình Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo Sở Tài chính; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

d) Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

đ) Nội dung quyết định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

5. Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động

Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

(Ghi chú: Các nội dung lựa chọn đơn vị đặt hàng đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).

PHỤ LỤC II

Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

b) Đối tượng áp dụng:

Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua đơn vị chủ trì liên kết; người đại diện do cộng đồng lựa chọn; bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

(Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được qui định cụ thể tại Điều 21, 22, 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Dự án 2 và tiểu dự án 1 trong Dự án 3 của Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chương II Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính).

3. Mẫu hồ sơ đề nghị

Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai

đoạn 2021 – 2025.

(Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đã được qui định cụ thể tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất

Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

(Ghi chú: Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất đã được qui định cụ thể tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

5. Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động

Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

(Ghi chú: Các nội dung chọn đơn vị đặt hàng đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).

PHỤ LỤC III

Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng:

Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ nhằm thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững thông qua đơn vị chủ trì liên kết; người đại diện do cộng đồng lựa chọn; bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

(Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ đã được qui định cụ thể tại Điều 21, 22, 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nội dung thành phần số 3 của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Mục 2 Chương II Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Mục 3 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính. Trường hợp các qui định trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính).

3. Mẫu hồ sơ đề nghị

Mẫu hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

(Ghi chú: Các mẫu hồ sơ đề nghị đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ).

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có).

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và trình Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo Sở Tài chính; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch, phương án sản xuất phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

- Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất. Hồ

sơ phải bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- Bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng xây dựng hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới. Hồ sơ phải bao gồm: **Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền cấp xã**; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

5. Lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động

Việc lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động của dự án, kế hoạch, phương án sản xuất theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

(Ghi chú: Các nội dung chọn đơn vị đặt hàng đã được qui định cụ thể tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. Trường hợp các mẫu hồ sơ trên có thay đổi thì thực hiện theo qui định mới của Chính phủ).